

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 01 NĂM HỌC 2025 - 2026

Từ ngày 08/09/2025 đến ngày 12/09/2025

Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/H S	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/08-09	1	Thịt băm rang	Thịt lợn mông vai	67	120.000	8.040			Chất đốt	1.000	
	2	Trứng rán	Trứng chiên	40	60.000	2.400			Nhân công	2.000	
	3	Canh mồng toi nấu tép	Mồng toi	35	18.000	630			Thuế	1.482	
			Tép	6	160.000	960			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	5,95	35.000	208					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chính/H S	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/ 09-09	1	Thịt gà chiên	Gà CN bỏ cđcc	80	85.000	6.800			Chất đốt	1.000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	55	32.000	1.760			Nhân công	2.000	
			Cà chua	18	20.000	360			Thuế	1.482	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	60	18.000	1.080			Khấu hao	300	
			Gà	25	85.000	2.125					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					

	5		Rau thơm	3,24	35.000	113					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/H	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/10-09	1	Thịt kho tàu	Thịt lợn móng vai	66	120.000	7.920			Chất đốt	1.000	
	2	Khoai tây xào thịt	Khoai tây	52	18.000	936			Nhân công	2.000	
			Thịt lợn móng vai	5	120.000	600			Thuế	1.482	
	3	Canh bí đỏ nấu xương	Bí đỏ	55	17.000	935			Khấu hao	300	
			Xương lợn	20	85.000	1.700					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	4,2	35.000	147					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/H S	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/11-09	1	Chả rim	Chả lợn	60	140.000	8.400			Chất đốt	1.000	
	2	Trứng xốt cà chua	Trứng vịt	35	60.000	2.100			Nhân công	2.000	
			Cà chua	12	20.000	240			Thuế	1.482	
	3	Canh rau cải nấu thịt	Rau cải	36	18.000	648			Khấu hao	300	
			Thịt nạc xay	6	120.000	720					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	3,7	35.000	130					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000

